

JAE-HAN KIM, SIWONSCHOOL LANGUAGE LAB

IELTS
ALL IN
ONE

VIC IELTS WRITING START

LÊ THANH VY dịch



NHÀ XUẤT BẢN
DÂN TRÍ

ĐỘI NGŨ TRIỂN KHAI GAMMA

Phụ trách xuất bản: Ngô Hà Thu

Điều phối viên: Như Hoa | Thiết kế bìa: Mạnh Cường

Trình bày: Vũ Lê Thu | Thư ký xuất bản: Kim Khuyên

빅아이엘츠라이팅스타트

VIC IELTS WRITING START

By Jae-han Kim, Siwonschool Language Lab

Copyright ©2018 Jae-han Kim, Siwonschool Language Lab

All rights reserved

Vietnamese language copyright ©2020 Alpha Books Co.

Vietnamese language edition arranged with SJW International Co., Ltd. through Eric Yang Agency Inc.

VIC IELTS WRITING START

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Alpha, 2020

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay phát hành dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Công ty Cổ phần Sách Alpha. Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Công ty CP Xuất bản & Dữ liệu ETS (ETS DATA JSC.) - Thành viên của Alpha Publishing Group

• Dòng sách khoa học – giáo dục – công nghệ ETS • Dòng sách ngoại ngữ Gamma

• Thư viện thông minh Einstein House

Các cá nhân và tổ chức có nhu cầu xuất bản và mua bán sách, khóa học và dịch vụ xuất bản
xin liên hệ: ĐT: (+84) 43722 6234 | Website: www.etsdata.vn.

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Jae-han Kim

VIC IELTS Writing Start / Jae-han Kim, Siwonschool Language Lab ; Lê Thanh Vy dịch. - H. : Dân trí ;

Công ty Sách Alpha, 2022. - 240 tr. ; 24 cm

ISBN 978-604-356-652-9

1. Tiếng Anh 2. IELTS 3. Kỹ năng viết 4. Sách luyện thi

428.2 - dc23

DTK0151p-CIP

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch: publication@alphabooks.vn

Liên hệ hợp tác về nội dung số: ebook@alphabooks.vn

Liên hệ hợp tác xuất bản & truyền thông trên sách: publication@alphabooks.vn

Liên hệ dịch vụ tư vấn, đại diện & giao dịch bản quyền: copyright@alphabooks.vn

LỜI NÓI ĐẦU

Bạn có kế hoạch luyện thi IELTS nhưng vẫn chưa hoàn toàn tự tin vào năng lực tiếng Anh của mình và không biết nên bắt đầu từ đâu? Bạn đã có nền tảng tiếng Anh khá tốt và muốn tự luyện thi IELTS trong một thời gian ngắn? **VIC IELTS Start** chính là tài liệu ôn tập mà bạn cần. Đây là bộ sách được biên soạn công phu bởi nhóm các giảng viên và chuyên gia về IELTS tại Siwon School LAB – thương hiệu bài giảng trực tuyến hàng đầu Hàn Quốc chuyên về ôn luyện cho các kỳ thi tiếng Anh.

Bộ sách được xây dựng trên cơ sở phân tích kỹ lưỡng khuynh hướng ra đề từ những năm 2000, khi kỳ thi IELTS mới được triển khai, cho đến những năm gần đây và lấy trọng tâm là các dạng bài và chủ đề thường xuyên xuất hiện. Đặc biệt, các tác giả đã lựa chọn phương pháp tiếp cận ôn tập theo từng bước để có thể đem lại hiệu quả tốt nhất cho những người mới bắt đầu. Nhờ vậy, dù xuất phát điểm của bạn như thế nào, **VIC IELTS Start** cũng có thể giúp bạn ôn luyện một cách bài bản nhất và trọng tâm nhất.

Với **VIC IELTS Writing Start**, người học được hướng dẫn ôn luyện cho cả hai loại bài thi Academic và General Training. Nhằm giúp các bạn chinh phục được kỹ năng khó nhất và mất nhiều thời gian cải thiện nhất này, cuốn sách được xây dựng theo cấu trúc từng bước như sau:

- **Chapter 1:** Xây dựng nền tảng kỹ năng viết thông qua các chủ điểm ngữ pháp cần thiết, đồng thời hướng dẫn cách sử dụng dấu câu phù hợp.
- **Chapter 2:** Giới thiệu về Task 1 của bài thi Academic, hướng dẫn cách viết bài cho các dạng biểu đồ thường gặp.
- **Chapter 3:** Giới thiệu về Task 2 của bài thi Academic và General Training, phân tích các dạng đề, hướng dẫn lập dàn ý cho bài viết.
- **Chapter 4:** Giới thiệu về Task 1 của bài thi General Training, phân tích từng dạng viết thư, đồng thời tổng hợp từ vựng, cấu trúc và các cách diễn đạt cần thiết theo từng dạng.

Chúng tôi hy vọng rằng với **VIC IELTS Start**, kỳ thi IELTS không còn là trở ngại mà sẽ trở thành nền móng vững chắc cho bạn trên con đường học tập và chinh phục những mục tiêu trong cuộc sống.

Jae-han Kim

Viện nghiên cứu Ngôn ngữ Siwon School

MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	3
Cấu trúc sách	6
Điểm nổi bật của VIC IELTS WRITING START	8
Về kỳ thi IELTS	10
Về bài thi IELTS WRITING	14
Chiến lược luyện viết & Cách điền phiếu trả lời	20
Kế hoạch ôn tập.....	22

CHAPTER 1 Nền tảng cho kỹ năng viết

Unit 1 Nội động từ, Ngoại động từ và Thể bị động.....	26
Unit 2 Động từ nguyên thể có “to” và Danh động từ.....	34
Unit 3 Đại từ quan hệ, Trạng từ quan hệ và Phân từ	42
Unit 4 Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ và giữa các thì trong câu	52
Unit 5 Liên từ, So sánh hơn và So sánh nhất	60
* Cách sử dụng một số dấu câu phổ biến	70

CHAPTER 2 Task 1 (Academic)

Unit 6 Các cấu trúc và cách diễn đạt trong Task 1 Academic	74
Unit 7 Hướng dẫn viết Task 1	87
Unit 8 Thực hành viết: Biểu đồ đường.....	96
Unit 9 Thực hành viết: Biểu đồ tròn	106
Unit 10 Thực hành viết: Bản đồ	118



CHAPTER 3 Task 2 (Academic & General Training)

Unit 11	Các cấu trúc và cách diễn đạt trong Task 2	132
Unit 12	Viết bài luận theo từng dạng đề	138
Unit 13	Thực hành viết: Thảo luận hai quan điểm.....	146
Unit 14	Thực hành viết: Tán thành / Phản đối	158
Unit 15	Thực hành viết: Thuận lợi / Bất lợi	170

CHAPTER 4 Task 1 (General Training)

Unit 16	Các cấu trúc và cách diễn đạt trong Task 1 General	184
Unit 17	Thư trang trọng / bán trang trọng	192
Unit 18	Thực hành viết: Thư trang trọng	200
Unit 19	Thực hành viết: Thư bán trang trọng loại 1	210
Unit 20	Thực hành viết: Thư bán trang trọng loại 2	220
ACTUAL TEST		230

CẤU TRÚC SÁCH

Chapter 1 Nền tảng cho kỹ năng viết

[Academic & General Training]

Unit 1

Nội động từ, Nguyên động từ và Thể bị động

Trong tiếng Anh, động từ được chia thành hai loại: nguyên động từ và nội động từ. Nguyên động từ là động từ có thể đứng một mình hoặc cùng với tân ngữ. Nội động từ là động từ không thể đứng một mình mà phải có tân ngữ.

Nội động từ

Chỉ dùng để diễn tả hành động của chủ ngữ.

Nguyên động từ

Chỉ dùng để diễn tả hành động của chủ ngữ đối với một đối tượng nào đó.

Thể bị động

Thể bị động được hình thành bằng cách chuyển vị nội động từ và tân ngữ.

1. Nội động từ

Nội động từ là những động từ không cần tân ngữ theo sau. Nội động từ thường xuất hiện trong 2 thể câu sau:

- Chủ ngữ + Nội động từ
- Chủ ngữ + Nội động từ + bổ ngữ (trong trường hợp cần thiết)

Thường thì chúng ta không cần bổ ngữ theo sau nội động từ. Tuy nhiên, đôi khi cần bổ ngữ để câu rõ nghĩa hơn.

2. Nguyên động từ

Nguyên động từ là những động từ cần có tân ngữ theo sau. Nguyên động từ thường xuất hiện trong 2 thể câu sau:

- Chủ ngữ + Nguyên động từ + Tân ngữ
- Chủ ngữ + Nguyên động từ + Tân ngữ + Bổ ngữ

3. Thể bị động

Thể bị động được hình thành bằng cách chuyển vị nội động từ và tân ngữ. Thể bị động thường xuất hiện trong 2 thể câu sau:

- Chủ ngữ + Bị động từ + Bổ ngữ
- Chủ ngữ + Bị động từ + Tân ngữ + Bổ ngữ

4. Cấu trúc câu

Cấu trúc câu là cách sắp xếp các từ trong câu để tạo nên một ý nghĩa nhất định. Cấu trúc câu thường bao gồm các thành phần sau:

- Chủ ngữ
- Động từ
- Tân ngữ
- Bổ ngữ

5. Các cấu trúc câu

Các cấu trúc câu là những mẫu câu được sử dụng để diễn đạt ý nghĩa nhất định. Các cấu trúc câu thường bao gồm:

- Câu đơn
- Câu ghép
- Câu phức

6. Các cấu trúc câu

Các cấu trúc câu là những mẫu câu được sử dụng để diễn đạt ý nghĩa nhất định. Các cấu trúc câu thường bao gồm:

- Câu đơn
- Câu ghép
- Câu phức

Ôn tập các kiến thức ngữ pháp cần thiết

Trong chương này, chúng tôi chọn lọc và giới thiệu những kiến thức ngữ pháp quan trọng và thiết thực nhất mà thí sinh cần nắm vững để chuẩn bị cho bài thi IELTS Writing. Cuối chương là phần tổng hợp cách sử dụng các dấu câu phổ biến, đây cũng là kiến thức cần nắm vững đối với kỹ năng viết.

Chapter 2 Task 1

[Academic]

Học viết theo từng dạng biểu đồ trong Task 1

Chương này tổng hợp các loại biểu đồ thường gặp trong đề thi IELTS Writing Academic Task 1. Thí sinh sẽ được hướng dẫn những cách diễn đạt tương ứng với từng loại biểu đồ, cách viết bài luận Task 1 hoàn chỉnh và luyện tập nhuần nhuyễn với 3 dạng biểu đồ tiêu biểu nhất.

Unit 6

Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic

Chapter 2 là tài liệu hướng dẫn viết bài luận Task 1 cho bài thi IELTS Academic. Mục tiêu của tài liệu là giúp thí sinh nắm vững kiến thức và kỹ năng cần thiết để viết bài luận Task 1 đạt điểm cao.

1. Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic

Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic bao gồm:

- Câu đơn
- Câu ghép
- Câu phức

2. Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic

Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic bao gồm:

- Câu đơn
- Câu ghép
- Câu phức

3. Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic

Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic bao gồm:

- Câu đơn
- Câu ghép
- Câu phức

4. Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic

Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic bao gồm:

- Câu đơn
- Câu ghép
- Câu phức

5. Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic

Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic bao gồm:

- Câu đơn
- Câu ghép
- Câu phức

6. Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic

Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic bao gồm:

- Câu đơn
- Câu ghép
- Câu phức

7. Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic

Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic bao gồm:

- Câu đơn
- Câu ghép
- Câu phức

8. Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic

Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic bao gồm:

- Câu đơn
- Câu ghép
- Câu phức

9. Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic

Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic bao gồm:

- Câu đơn
- Câu ghép
- Câu phức

10. Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic

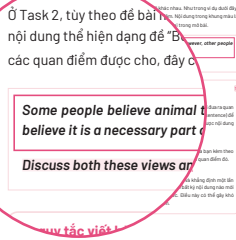
Các cấu trúc và cách diễn đạt để viết Task 1 Academic bao gồm:

- Câu đơn
- Câu ghép
- Câu phức



[Academic & General Training]

Chương này phân tích các dạng đề thường gặp trong Task 2 và hướng dẫn cách viết bài luận theo từng dạng. Thí sinh sẽ được học các cách diễn đạt hữu ích, cách lên cấu trúc cho một bài luận và những mẹo hay để áp dụng khi làm bài IELTS Writing.



Chapter 4 Task 1

[General Training]



1. Thế nào là thư trang trọng?

- Viết cho người mà bạn không
- Sử dụng các cách diễn đạt giá
- Viết với giọng điệu không qu
- Mang tính chất công việc

2. Trường hợp cần dự

Dear Sir or Madam,

Luyện viết thư theo từng dạng đề

Chương này tập trung vào Task 1 của bài thi IELTS General. Thí sinh sẽ được học cách phân tích đề bài để xác định dạng thư, cách sắp xếp bố cục các đoạn, học từ vựng và các cách diễn đạt cần thiết theo từng dạng thư để có thể dễ dàng áp dụng trong quá trình làm bài.

**VIC IELTS
WRITING
START**

- VIC IELTS Writing Start -

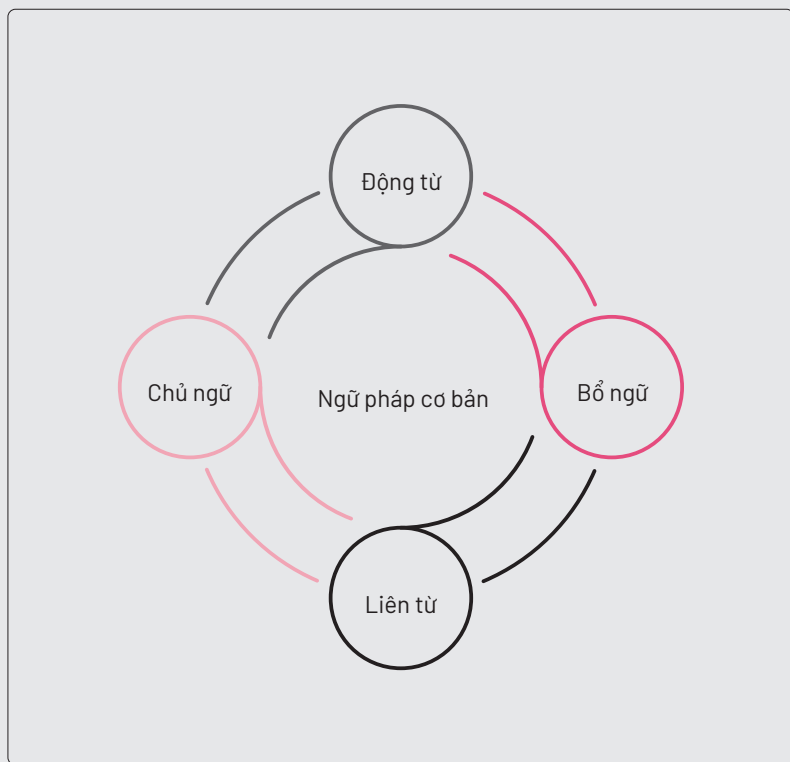
Chapter 1

NỀN TẢNG CHO KỸ NĂNG VIẾT

- Unit 1** Nội động từ, Ngoại động từ và Thể bị động
 - Unit 2** Động từ nguyên thể có "to" và Danh động từ
 - Unit 3** Đại từ quan hệ, Trạng từ quan hệ và Phân từ
 - Unit 4** Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ và giữa các thì trong câu
 - Unit 5** Liên từ, So sánh hơn và So sánh nhất
- * Cách sử dụng một số dấu câu phổ biến



Kiến thức ngữ pháp cơ bản



Những kiến thức ngữ pháp cần nắm vững

Nội động từ và ngoại động từ, thể bị động, động từ nguyên thể có "to" và danh động từ, đại từ quan hệ, trạng từ quan hệ, phân từ, sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ, và giữa các thì trong câu, liên từ, so sánh hơn và so sánh nhất

Trọng tâm

- Phân biệt nội động từ và ngoại động từ để xác định có tân ngữ theo sau hay không.
- Chia động từ theo chủ ngữ, các thì của động từ trong câu cũng cần nhất quán với nhau.
- Nắm được cách sử dụng của các loại bổ ngữ (động từ nguyên thể có "to", danh động từ, đại từ quan hệ, trạng từ quan hệ, phân từ, so sánh hơn và so sánh nhất).
- Sử dụng liên từ phù hợp để liên kết chặt chẽ các nội dung trong câu và giữa các câu.

Unit 1

WRITING START

Nội động từ, Ngoại động từ và Thể bị động

Trong tiếng Anh, động từ đóng vai trò quyết định trong câu vì dạng của động từ sẽ quyết định loại câu. Động từ được chia thành nội động từ và ngoại động từ. Khi học một động từ, bạn cần xác định xem đó là nội động từ hay ngoại động từ để biết cách sử dụng cho đúng. Việc phân biệt này cũng giúp chúng ta xác định xem có thể chuyển một câu từ dạng chủ động sang bị động hay không.



NỘI ĐỘNG TỪ

Chúng tôi **làm việc**.

We **work**.

Biểu đồ này **(thì)** ổn định.

The graph **is stable**.

1. Nội động từ là gì?

Nội động từ là những động từ không cần tân ngữ theo sau. Nội động từ thường xuất hiện trong 2 mẫu câu sau:

- Chủ ngữ + động từ
- Chủ ngữ + động từ + bổ ngữ (tính từ/danh từ)

Thường thì chúng ta không chỉ sử dụng cấu trúc cơ bản của câu là "chủ ngữ + động từ" mà còn bổ sung thêm thành phần bổ ngữ (trạng từ, cụm giới từ) để cụ thể hóa nội dung muốn truyền tải.

Tip

We / **work**.

→ We / **work** / at a hotel.

Chúng tôi làm việc ở khách sạn.

→ We / **work** / at a hotel twice a week.

Chúng tôi làm việc ở khách sạn hai lần một tuần.

The price of petrol / **was** / stable.

→ The price of petrol / **was** / stable / from 2010 to 2017.

Giá xăng dầu ổn định từ năm 2010 đến 2017.

→ The price of petrol / in Australia / **was** / stable / from 2010 to 2017.

Giá xăng dầu ở Úc ổn định từ năm 2010 đến 2017.

2. Các nội động từ cần biết để áp dụng vào IELTS Writing

Nội động từ trong mẫu câu “chủ ngữ + động từ”

increase / rise tăng lên	decrease / fall / drop giảm xuống, rút xuống	happen xảy ra	complain than phiền, phàn nàn
-----------------------------	---	------------------	----------------------------------

The population of the country **increased** to around 40 million people.

Dân số của nước này đã tăng đến khoảng 40 triệu người.

The population of the area has **decreased** dramatically.

Dân số của khu vực đã giảm mạnh.

It **happens** all the time.

Việc đó lúc nào cũng xảy ra. (= luôn xảy ra như vậy.)

We **complain** about your poor service.

Chúng tôi có ý kiến về dịch vụ kém chất lượng của bên anh.



Cũng giống như cụm “complain about” (phàn nàn, than phiền về ~), một số nội động từ có giới từ đi kèm và được sử dụng như một cụm động từ.

Dưới đây là một số cụm “nội động từ + giới từ” hữu ích đối với IELTS Writing:

belong to: thuộc về ~
agree with: đồng ý với ~
conform to: làm theo,
tuân theo ~

account for: giải thích cho ~
consist of: bao gồm ~
graduate from: tốt nghiệp từ ~
participate in: tham gia vào ~

result in: kết quả là ~
wait for: chờ đợi ~

Nội động từ trong mẫu câu “chủ ngữ + động từ + bổ ngữ”

be / become là / trở thành	remain vẫn, duy trì, còn lại	look / appear / seem dường như, có vẻ
-------------------------------	---------------------------------	--

The whole class can **become** distracted.

Cả lớp có thể trở nên xao nhãng.

The imports in Australia **remained** stable.

Hoạt động nhập khẩu ở Úc vẫn duy trì ổn định.

This trend **seems** to be getting popular.

Xu hướng này có vẻ đang dần trở nên phổ biến.



Practice ! Điền nội động từ thích hợp vào chỗ trống và đối chiếu đáp án với các ví dụ trên.

1. The population of the area has _____ dramatically.

Dân số của khu vực đã giảm mạnh.

2. The whole class can _____ distracted.

Cả lớp có thể trở nên xao nhãng.

3. This trend _____ to be getting popular.

Xu hướng này có vẻ đang dần trở nên phổ biến.

EXERCISE



Điền từ/cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu sau.

- The solution countries in environmentally-friendly energy.
Giải pháp này **đòi hỏi** các quốc gia phải **đầu tư** vào năng lượng thân thiện với môi trường.
- Trains might be able to people driving cars.
Tàu hỏa có thể **khuyến khích** mọi người **không đi xe riêng**.
- Smartphones give
Điện thoại thông minh mang lại **cho trẻ em thời hiện đại** một số thuận lợi.
- The graph below population figures for Indonesia.
Biểu đồ dưới đây **thể hiện** số liệu về dân số của Indonesia.
- Some students too much time chatting on messenger apps.
Một số sinh viên **dành** quá nhiều thời gian để tán gẫu trên các ứng dụng nhắn tin.
- Governments convenient public transport to their citizens.
Chính phủ các nước **cung cấp** phương tiện giao thông công cộng tiện lợi cho người dân.
- Technological advancements employment rates.
Những tiến bộ về công nghệ **sẽ tác động** đến tỷ lệ việc làm.
- She me a job.
Cô ấy **đã giúp** tôi **tìm** việc.
- Sam Jake.
Sam **được** Jake **hỗ trợ**.
- A distraction a smart phone.
Sự xao nhãng **có thể do** điện thoại thông minh gây ra.



Answers

1. requires, to invest
2. encourage, to avoid
3. modern children, some advantages
4. shows
5. spend
6. provide (= give, offer)
7. will impact
8. helped, find (= to find)
9. is supported by
10. can be caused by

Unit 8

I WRITING START I

Thực hành viết: Biểu đồ đường

Trong Unit này, chúng ta sẽ phân tích bài viết mẫu về biểu đồ đường để cùng tìm hiểu cách phân tích đề bài, cách triển khai ý và luyện viết câu cho dạng đề này.



ĐỀ BÀI

You should spend about 20 minutes on this task.

★ Đề bài gợi ý viết trong 20 phút nhưng bạn hãy cố gắng hoàn thành trong 18 phút.

The graph below shows population figures for Indonesia and Nigeria since the year 2000 and predicted population growth up until 2040.

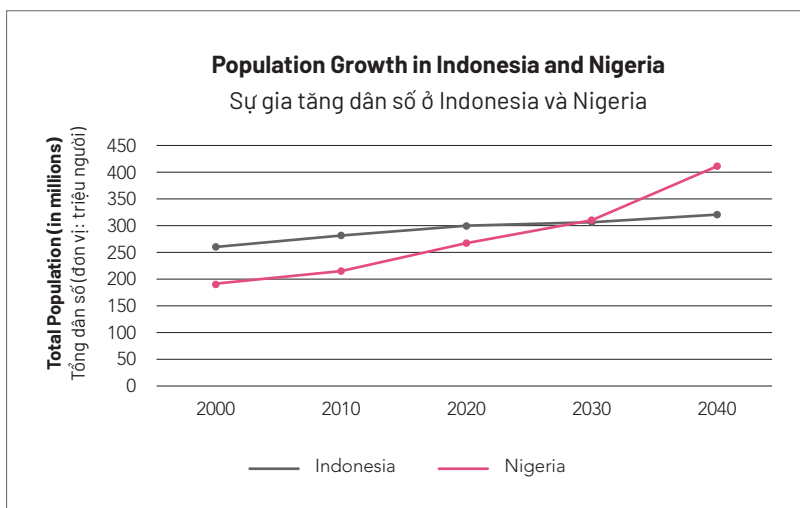
★ **Nắm bắt nội dung của đề bài để diễn đạt lại trong câu mở bài.**

Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant. ★ **Chọn số liệu quan trọng, sau đó so sánh và giải thích.**

Biểu đồ dưới đây thể hiện số liệu dân số của Indonesia và Nigeria từ năm 2000 và dự đoán mức độ gia tăng dân số đến năm 2040.

Hãy tóm tắt thông tin này bằng cách chọn lọc và mô tả các đặc điểm chính, đồng thời đưa ra các so sánh liên quan.

Write at least 150 words. ★ **Viết từ 150 từ trở lên.**



Các phần được đánh dấu sao (★) là chú thích và lưu ý về yêu cầu của đề bài, hãy ghi nhớ những nội dung này cho cả các bài sau.

CÁC BƯỚC THỰC HIỆN BÀI VIẾT

1. Phân tích đề bài

Xác định các từ khóa	population figures (số liệu dân số) ► Indonesia and Nigeria (Indonesia và Nigeria) ► 2000 until 2040 (từ năm 2000 đến 2040)
▼	
Phân tích biểu đồ	Loại biểu đồ: biểu đồ đường (line graph) • Trục ngang: năm - Trục dọc: số dân • Số đường biểu thị: 2 (Indonesia, Nigeria) • Thì: Biểu đồ hiển thị các năm trong quá khứ và ở tương lai, vậy ta sử dụng thì quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành và tương lai đơn. Tuy nhiên, vì biểu đồ này đưa ra dự đoán tương lai nên ta cần sử dụng các cách diễn đạt “be expected to, be predicted to, be likely to” thay cho “will, be going to”.
▼	
Xác định xu hướng của biểu đồ đường và số liệu liên quan	• Indonesia: Đường đồ thị thể hiện mức tăng, nhưng tăng chậm. • Nigeria: Đường đồ thị thể hiện mức tăng nhanh hơn, thậm chí còn vượt lên so với Indonesia.

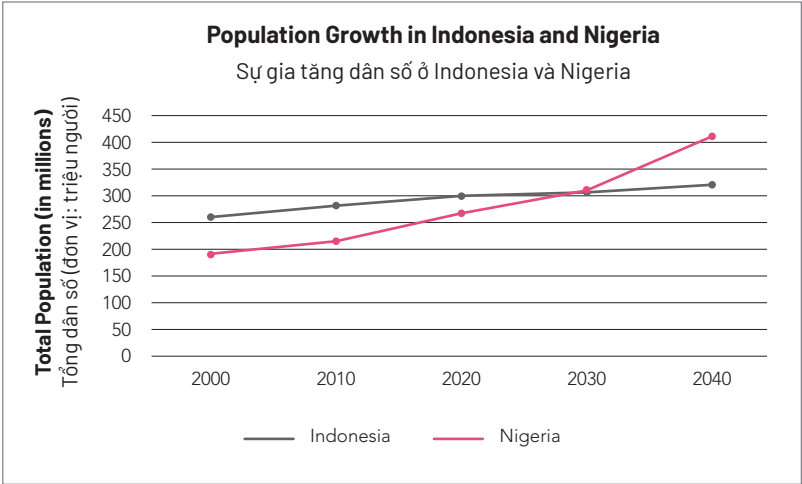
Đầu tiên, hãy đọc kỹ nội dung giới thiệu chung về biểu đồ trong đề bài, sau đó xác định tiêu đề của biểu đồ (Sự gia tăng dân số của Indonesia và Nigeria) và dạng biểu đồ (biểu đồ đường). Tiếp đó, áp dụng các cách diễn đạt đã học ở Unit 6, 7 để mô tả biểu đồ.

Tip

2. Trình tự viết bài

Mở bài - câu đầu tiên (diễn giải đề bài)	Thay đổi chủ ngữ - động từ: The graph below shows → The line graph illustrates Thay đổi tân ngữ: cụm danh từ → mệnh đề danh ngữ population figures for Indonesia and Nigeria since the year 2000 and predicted population growth up until 2040 → how the populations of Indonesia and Nigeria have changed since 2000 and how they are likely to change until 2040
▼	
Mô bài - câu thứ hai (đưa ra nhận định chung)	Nhìn chung (overall) dự đoán (be likely to / be expected to): Dân số Nigeria tăng (rise) và vượt qua (take over) dân số Indonesia
▼	
Thân bài (mô tả chi tiết nhận định)	• Năm 2000: Dân số Indonesia nhiều hơn Nigeria (higher than of Nigerians), so sánh dân số của hai quốc gia (while) • Năm 2010: Tăng 40 triệu người (increase by) • Năm 2030: Dân số bằng nhau (equal populations) • Năm 2040: Trong khi (while) dân số Nigeria tăng nhanh hơn nữa (rise even more sharply), dân số Indonesia tăng chậm lại (slow down)

BÀI VIẾT MẪU



Phân tích đoạn

Mở bài	① The line graph illustrates how the populations of Indonesia and Nigeria have changed since 2000 and how they are likely to change until 2040. ② Overall, over the 40-year period, Nigeria's population is expected to rise and overtake Indonesia, whose population growth will gradually slow down.	① Giới thiệu chung về biểu đồ bằng cách diễn đạt lại nội dung ở đề bài ② Đưa ra nhận định chung về biểu đồ
Thân bài 1	In 2000, the number of Indonesians was higher than that of Nigerians. Indonesia's population was around 265 million, while Nigeria's population was about 195 million. According to the graph, over the first decade, the populations of both countries increased by around 40 million people.	Từ năm 2000 đến 2010: So sánh và mô tả số liệu dân số của Indonesia và Nigeria
Thân bài 2	On the other hand, since 2010, the population of Nigeria has been increasing more quickly than that of Indonesia. It is predicted that by the year 2030, both countries will have equal populations of around 310 million people. From that point until 2040, Nigeria's population is expected to rise even more sharply, while Indonesia's population growth is likely to continue to slow down.	Từ năm 2010 trở đi: So sánh và mô tả sự khác biệt về xu hướng gia tăng dân số ở cả hai quốc gia

Tổng số từ: 152 từ

Tham khảo Dịch nghĩa bài viết mẫu ở trang 105

PHÂN TÍCH BÀI VIẾT MẪU

Mở bài	① The line graph illustrates how the populations of Indonesia and Nigeria have changed since 2000 and how they are likely to change until 2040. ② Overall, over the 40-year period, Nigeria's population is expected to rise and overtake Indonesia, whose population growth will gradually slow down.
--------	--

① The line graph illustrates how the populations of Indonesia and Nigeria have changed since 2000 and how they are likely to change until 2040.

- The line graph (= graph) + illustrates (= shows) + how + chủ ngữ + động từ (cấu trúc câu đầu tiên)
- have + p.p. + since + mốc thời gian trong quá khứ (thể hiện xu hướng kéo dài từ quá khứ đến hiện tại)
- be likely to (thể hiện dự đoán đến năm 2040)
- have changed since 2000, are likely to change until 2040 (sử dụng hai thì vì biểu đồ thể hiện thời gian từ quá khứ đến tương lai)

② Overall, over the 40-year period, Nigeria's population is expected to rise and overtake Indonesia, whose population growth will gradually slow down.

- Overall (trạng từ mô tả nhận định chung về biểu đồ)
- over + khoảng thời gian: suốt khoảng thời gian ~, qua ~
- be expected to = be predicted to, be likely to (thể hiện dự đoán trong tương lai)
- overtake: vượt qua, qua mặt
- , whose (đại từ quan hệ chỉ sự sở hữu dùng để giải thích thêm về dân số Indonesia) overtake Indonesia, whose population growth = overtake Indonesia and its population growth
- gradually (trạng từ bổ nghĩa để mô tả trạng thái tăng, giảm, mở rộng,...)
- slow down (động từ mô tả tốc độ tăng/giảm đang chậm lại)

Vocabulary & Expressions ●

illustrate: minh họa, cho thấy **population:** dân số **be like to:** có khả năng, sẽ
overall: nhìn chung, khái quát **over:** suốt khoảng thời gian ~, qua ~ **period:** khoảng thời gian
be expected to: được dự kiến, dự đoán **overtake:** vượt qua, vượt mặt **gradually:** dần dần
population growth: sự gia tăng dân số **slow down:** chậm lại

EXERCISE



Điền từ/cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu sau.

- The line graph illustrates the populations of Indonesia and Nigeria since 2000 and they are likely until 2040.
Biểu đồ đường này cho thấy dân số Indonesia và Nigeria đã thay đổi như thế nào kể từ năm 2000 và khả năng sẽ thay đổi ra sao cho đến năm 2040.
- Overall, the 40-year period, Nigeria's population is expected to rise and overtake Indonesia, population growth will slow down.
Nhìn chung, trong giai đoạn 40 năm này, dân số Nigeria được dự đoán sẽ tăng và vượt qua Indonesia, quốc gia có tốc độ phát triển dân số đang dần chậm lại.
- In 2000, the number of Indonesians was higher that of Nigerians.
Vào năm 2000, số dân Indonesia nhiều hơn số dân Nigeria.
- Indonesia's population was 265 million, Nigeria's population was 195 million.
Dân số Indonesia ở vào khoảng 265 triệu người, trong khi dân số Nigeria khoảng 195 triệu người.
- the graph, over the first decade, the populations of both countries increased around 40 million people.
Theo biểu đồ, trong thập kỷ đầu tiên, dân số của cả hai quốc gia đều tăng thêm khoảng 40 triệu người.
-, since 2010, the population of Nigeria has been increasing than that of Indonesia.
Tuy vậy, từ năm 2010, dân số Nigeria đã tăng nhanh hơn dân số Indonesia.
- It is that by the year 2030, will have populations of around 310 million people.
Dự đoán đến năm 2030, hai quốc gia này sẽ có số dân bằng nhau với khoảng 310 triệu người.



Sắp xếp các từ/cụm từ dưới đây thành câu hoàn chỉnh.

- 1 likely to change until 2040 / the line graph / illustrates how / and how they are / the populations of Indonesia and Nigeria have changed / since 2000

Biểu đồ đường này cho thấy dân số Indonesia và Nigeria đã thay đổi như thế nào kể từ năm 2000 và khả năng sẽ thay đổi ra sao cho đến năm 2040.



- 2 Nigeria's population is expected / over the 40-year period, / gradually slow down / to rise and overtake Indonesia, / overall, / whose population growth will

Nhìn chung, trong giai đoạn 40 năm này, dân số Nigeria được dự đoán sẽ tăng và vượt qua Indonesia, quốc gia có tốc độ phát triển dân số đang dần chậm lại.



- 3 the number of Indonesians / was higher than / in 2000, / that of Nigerians

Vào năm 2000, số dân Indonesia nhiều hơn số dân Nigeria.



- 4 Indonesia's population / was about 195 million / was around 265 million, / while Nigeria's population

Dân số Indonesia ở vào khoảng 265 triệu người, trong khi dân số Nigeria khoảng 195 triệu người.



- 5 the populations of both countries / around 40 million people / according to the graph, / over the first decade, / increased by

Theo biểu đồ, trong thập kỷ đầu tiên, dân số của cả hai quốc gia đều tăng thêm khoảng 40 triệu người.



- 6 since 2010, / the population of Nigeria / more quickly than / has been increasing / that of Indonesia / on the other hand,

Tuy vậy, từ năm 2010, dân số Nigeria đã tăng nhanh hơn dân số Indonesia.



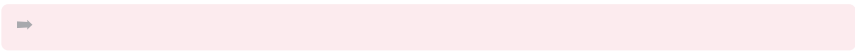
- 7 will have equal populations / both countries / it is predicted that / by the year 2030, / of around 310 million people

Dự đoán đến năm 2030, hai quốc gia này sẽ có dân số bằng nhau với khoảng 310 triệu người.





Dịch các câu dưới đây sang tiếng Anh.

- 1 Biểu đồ đường này cho thấy dân số Indonesia và Nigeria đã thay đổi như thế nào kể từ năm 2000 và khả năng sẽ thay đổi ra sao cho đến năm 2040.

- 2 Nhìn chung, trong giai đoạn 40 năm này, dân số Nigeria được dự đoán sẽ tăng và vượt qua Indonesia, quốc gia có tốc độ phát triển dân số đang dần chậm lại.

- 3 Vào năm 2000, số dân Indonesia nhiều hơn số dân Nigeria.

- 4 Dân số Indonesia ở vào khoảng 265 triệu người, trong khi dân số Nigeria khoảng 195 triệu người.

- 5 Theo biểu đồ, trong thập kỷ đầu tiên, dân số của cả hai quốc gia đều tăng thêm khoảng 40 triệu người.

- 6 Tuy nhiên, từ năm 2010, dân số Nigeria đã tăng nhanh hơn dân số Indonesia.

- 7 Dự đoán đến năm 2030, hai quốc gia này sẽ có số dân bằng nhau với khoảng 310 triệu người.




Answers

Đáp án chung cho các bài tập trên

1. The line graph illustrates how the populations of Indonesia and Nigeria have changed since 2000 and how they are likely to change until 2040.
2. Overall, over the 40-year period, Nigeria's population is expected to rise and overtake Indonesia, whose population growth will gradually slow down.
3. In 2000, the number of Indonesians was higher than that of Nigerians.
4. Indonesia's population was around 265 million, while Nigeria's population was about 195 million.
5. According to the graph, over the first decade, the populations of both countries increased by around 40 million people.
6. On the other hand, since 2010, the population of Nigeria has been increasing more quickly than that of Indonesia.
7. It is predicted that by the year 2030, both countries will have equal populations of around 310 million people.

Dịch nghĩa bài viết mẫu

Mở bài	Biểu đồ đường này cho thấy dân số Indonesia và Nigeria đã thay đổi như thế nào kể từ năm 2000 và khả năng sẽ thay đổi ra sao cho đến năm 2040. Nhìn chung, trong giai đoạn 40 năm này, dân số Nigeria được dự đoán sẽ tăng và vượt qua Indonesia, quốc gia có tốc độ phát triển dân số đang dần chậm lại.
Thân bài 1	Vào năm 2000, số dân Indonesia nhiều hơn số dân Nigeria. Dân số Indonesia ở vào khoảng 265 triệu người, trong khi dân số Nigeria xấp xỉ 195 triệu người. Theo biểu đồ, trong thập kỷ đầu tiên, dân số của cả hai quốc gia đều tăng thêm khoảng 40 triệu người.
Thân bài 2	Tuy vậy, từ năm 2010, dân số Nigeria đã tăng nhanh hơn dân số Indonesia. Dự đoán đến năm 2030, hai quốc gia này sẽ có số dân bằng nhau với khoảng 310 triệu người. Từ thời điểm đó đến 2040, dân số Nigeria được dự đoán sẽ tăng nhanh hơn nữa, trong khi tốc độ tăng dân số của Indonesia có thể sẽ tiếp tục chậm lại.

- VIC IELTS Writing Start -

Chapter 3

TASK 2 (ACADEMIC & GENERAL TRAINING)

Unit 11 Các cấu trúc và cách diễn đạt khi viết Task 2

Unit 12 Viết bài luận theo từng dạng đề

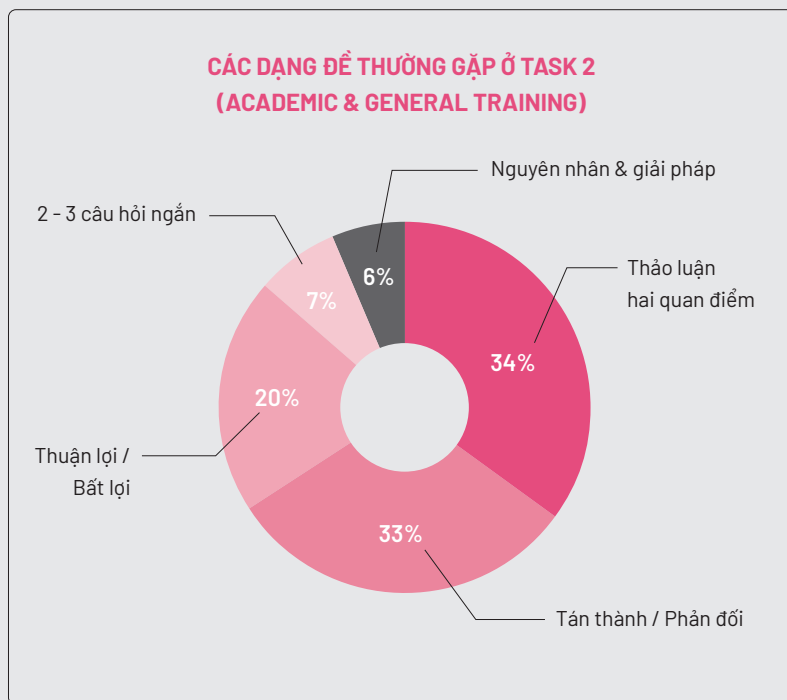
Unit 13 Thực hành viết: Thảo luận hai quan điểm

Unit 14 Thực hành viết: Tán thành / Phản đối

Unit 15 Thực hành viết: Thuận lợi / Bất lợi



Xu hướng ra đề của bài thi IELTS Writing Task 2



• Các dạng đề có tần suất xuất hiện nhiều nhất

Thảo luận hai quan điểm (Both views) và Tán thành / Phản đối (Agree / Disagree)

• Thảo luận hai quan điểm

Xu hướng ra đề Đề bài đưa ra hai quan điểm trái chiều về một vấn đề và yêu cầu thí sinh nêu ý kiến cá nhân.

Trọng tâm Bài viết không nên chỉ bàn luận xoay quanh một quan điểm mà cần nêu được ý kiến cá nhân về cả hai quan điểm đó.

• Tán thành / Phản đối

Xu hướng ra đề Đề bài đưa ra quan điểm về một chủ đề nhất định, sau đó yêu cầu thí sinh bày tỏ ý kiến tán thành hay phản đối và trình bày lập luận để bảo vệ ý kiến đó.

Trọng tâm Bạn cần xác định rõ ý kiến cá nhân để có thể viết bài nhanh hơn. Ngoài ra, bài viết sẽ được đánh giá cao hơn nếu bạn đề cập đến cả quan điểm mà mình phản đối, đưa ra lập luận phản bác và mở rộng ý kiến của mình.

Các cấu trúc và cách diễn đạt trong Task 2

Với bài luận trong Task 2, thí sinh cần trình bày được ý kiến của mình thật rõ ràng, mạch lạc và đưa ra các lập luận hợp lí. Bài thi IELTS Academic và General Training có đề thi Task 2 giống nhau.



TỔNG QUAN VỀ TASK 2

1. Cấu trúc bài thi

	Dạng bài	Thời gian thi	Số từ	Phân bổ thời gian làm bài
Task 1	Phân tích biểu đồ (Academic) / Viết thư (General)	60 phút	150 từ trở lên	khoảng 18 phút
Task 2	Viết bài luận (Academic/General)		250 từ trở lên	khoảng 42 phút

Task 2 chiếm tỷ trọng điểm nhiều hơn so với Task 1, vì vậy bạn cần tập trung ôn tập cho phần này kỹ hơn, đồng thời cũng nên dành hơn 40 phút cho phần này khi làm bài.

2. Các bước thực hiện bài luận

Phân tích đề bài	• Hiểu nội dung đề bài • Xác định ý kiến của bản thân • Sắp xếp các ý sẽ trình bày
Viết bài	• Viết từng đoạn theo cấu trúc: mở bài - thân bài 1 - thân bài 2 - kết luận • Nên viết các đoạn theo hình thức diễn dịch, tức là bắt đầu đoạn bằng một luận điểm, hay còn gọi là câu chủ đề (topic sentence)
Kiểm tra lại	• Đọc lại bài viết, sửa lỗi chính tả, ngữ pháp hoặc sai sót về nội dung

- VIC IELTS Writing Start -

Chapter 4

TASK 1 (GENERAL TRAINING)

Unit 16 Các cấu trúc và cách diễn đạt trong bài viết Task 1

Unit 17 Thư trang trọng / bán trang trọng

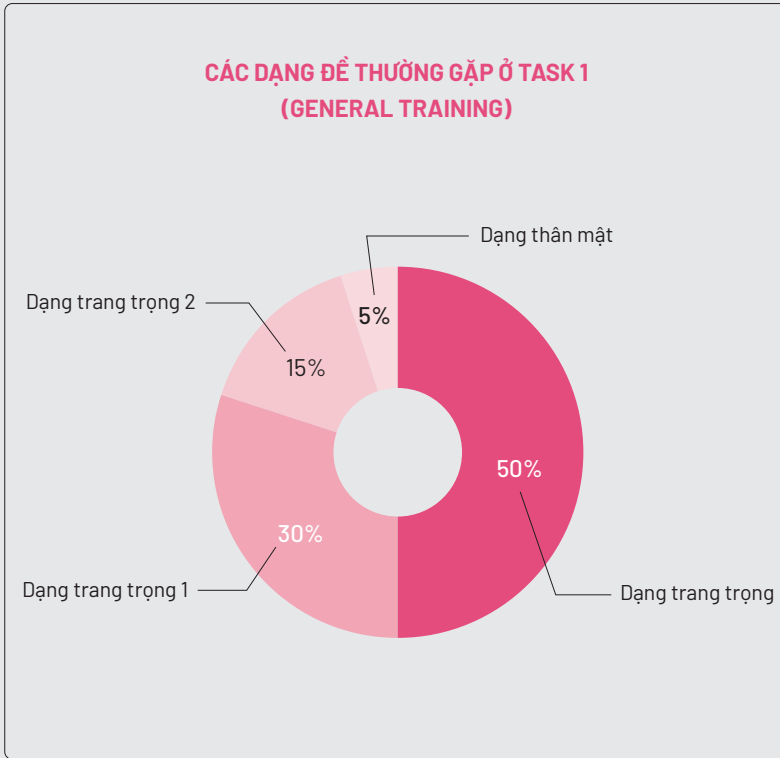
Unit 18 Thực hành viết: Thư trang trọng

Unit 19 Thực hành viết: Thư bán trang trọng loại 1

Unit 20 Thực hành viết: Thư bán trang trọng loại 2



XU HƯỚNG RA ĐỀ MỚI NHẤT CỦA IELTS WRITING TASK 1



- **Dạng đề có tần suất xuất hiện nhiều nhất:** Dạng trang trọng

- **Dạng trang trọng**

Khuynh hướng ra đề Thí sinh phải viết một bức thư yêu cầu hoặc phàn nàn.

Trọng tâm Thay vì đơn phương trình bày yêu cầu hoặc phàn nàn ngay từ đầu, hãy giải thích đầy đủ tình huống trước. Không nên sử dụng từ viết tắt, và quan trọng là nên dùng các cách diễn đạt gián tiếp (trợ động từ, thể bị động, chủ ngữ giả, thức giả định) hơn là diễn đạt trực tiếp.

Các cấu trúc và cách diễn đạt trong Task 1 General

Chapter 4 (Unit 16-20) là phần luyện viết Task 1 của đề thi General Training. Thí sinh luyện thi dạng đề Academic có thể bỏ qua Chapter 4 và bắt đầu luyện tập phần Actual Test phía sau.



TỔNG QUAN VỀ TASK 1

1. Cấu trúc bài thi IELTS Writing General Training

	Dạng bài	Thời gian thi	Số từ	Thời gian làm bài
Task 1	Viết thư	60 phút	150 từ trở lên	khoảng 18 phút
Task 2	Viết bài luận thể hiện ý kiến cá nhân		250 từ trở lên	khoảng 42 phút

Trên tờ Answer sheet, thí sinh được yêu cầu viết Task 1 trong 20 phút. Tuy nhiên, thời gian thực tế để viết Task 2 sẽ nhiều hơn, vì vậy lý tưởng nhất là bạn nên hoàn thành Task 1 trong 18 phút.

2. Các bước thực hiện bài viết thư

Phân tích đề bài	• Phân tích câu hỏi • Xem xét 3 mục mà đề bài yêu cầu trả lời • Xác định đối tượng nhận thư và quyết định viết thư theo văn phong trang trọng hoặc bán trang trọng
Viết nội dung	Viết thư theo trình tự: lời chào đầu thư, mục đích viết thư, 3 mục mà đề bài yêu cầu trả lời, và kết thư
Kiểm tra lại	Đọc lại bài viết, chữa lỗi chính tả, ngữ pháp hoặc sai sót về nội dung để có cơ hội tăng thêm 0.5 điểm

CÁC DẠNG VIẾT THƯ Ở TASK 1

Dựa vào đối tượng nhận thư, bài viết ở Task 1 được chia thành 4 dạng, bao gồm: dạng trang trọng (Formal), 2 dạng bán trang trọng (Semi-formal) và dạng thân mật (Informal). Dạng đề thường xuất hiện nhất là thư trang trọng, dạng thư thân mật ít khi được ra. Như vậy, việc tập trung ôn luyện dạng thư trang trọng và bán trang trọng sẽ hiệu quả hơn.

Phân loại	Trang trọng	Bán trang trọng loại 1	Bán trang trọng loại 2	Thân mật
Đối tượng	Người xa lạ hoặc công ty, doanh nghiệp	Người quen biết ở mức độ nào đó hoặc cấp trên ở công ty	Bạn bè hoặc đồng nghiệp gần gũi	Gia đình hoặc bạn bè thân thiết
Lời chào đầu thư	Dear Sir or Madam,	Dear + Last Name (Họ) Ví dụ: Dear Mr. Kim,	Dear + First Name (Tên) Ví dụ: Dear Chelsea,	Viết tên hoặc danh xưng sau "Hi / Hello" Ví dụ: Hi Mum,
Cách viết	• Không viết tắt • Dùng từ vựng và cách diễn đạt trang trọng, lịch sự	• Hầu như không viết tắt • Dùng từ vựng và cách diễn đạt trang trọng, lịch sự	• Có thể viết tắt • Nếu viết quá kiểu cách có thể khiến nội dung thư trở nên gượng gạo	• Có thể viết tắt • Dùng từ vựng nhẹ nhàng, gần gũi
Lời chào cuối thư	Yours faithfully, (cách 1 dòng) Họ và tên	Yours sincerely, (cách 1 dòng) Họ và tên	Best wishes, (cách 1 dòng) Tên	With love, (cách 1 dòng) Tên
Tần suất ra đề	50%	30%	15%	5%